

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

ÔN TẬP VỀ DẤU CÂU

(Dấu hai chấm)

I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Củng cố kiến thức về dấu hai chấm, tác dụng của dấu hai chấm : để dẫn lời nói trực tiếp ; dẫn lời giải thích cho điều đã nêu trước đó.
2. Củng cố kỹ năng sử dụng dấu hai chấm.

II – ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- Bảng phụ viết nội dung cần ghi nhớ về dấu hai chấm (*Tiếng Việt 4 tập một*, tr. 23) :
- Một tờ phiếu viết lời giải BT2 (xem mẫu ở dưới).
- Bút dạ và 2 – 3 tờ phiếu kẻ bảng nội dung để HS làm BT3 (xem mẫu ở dưới).

III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

A – KIỂM TRA BÀI CŨ

Hai, ba HS làm lại BT2, tiết LTVC trước – đọc đoạn văn nói về các hoạt động trong giờ ra chơi ở sân trường và nêu tác dụng của mỗi dấu phẩy được dùng trong đoạn văn.

B – DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài : GV nêu MD, YC của tiết học.

2. Hướng dẫn HS làm bài tập

Bài tập 1

- HS đọc yêu cầu của bài.
- GV dán lên bảng tờ phiếu viết nội dung cần nhớ về dấu hai chấm ; mời 1 – 2 HS nhìn bảng đọc lại :

Dấu hai chấm báo hiệu bộ phận câu đứng sau nó là lời nói của một nhân vật hoặc là lời giải thích cho bộ phận đứng trước.

Khi báo hiệu lời nói của nhân vật, dấu hai chấm được dùng phối hợp với dấu ngoặc kép hay dấu gạch đầu dòng.

– HS suy nghĩ, phát biểu. GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng :

Câu văn	Tác dụng của dấu hai chấm
a) Một chú công an vỗ vai em :	– Đặt ở cuối câu để dẫn lời nói trực tiếp của nhân vật.
– Cháu quá là chàng gác rừng dũng cảm !	– Báo hiệu bộ phận câu đứng sau nó là lời giải thích cho bộ phận đứng trước.
b) Cảnh vật xung quanh tôi đang có sự thay đổi lớn : hôm nay tôi đi học.	

Bài tập 2

- Ba HS tiếp nối nhau đọc nội dung BT2.
- HS đọc thầm từng khổ thơ, câu văn, xác định chỗ dẫn lời nói trực tiếp hoặc báo hiệu bộ phận đứng sau là lời giải thích để đặt dấu hai chấm.

– HS phát biểu ý kiến. GV dán lên bảng tờ phiếu đã viết lời giải :

a) *Thằng giặc cuồng cả chân*

Nhăn nhó kêu rít rít :

– *Đóng ý là tao chết...*

b) Tôi đã ngửa cổ suốt một thời mới lớn để chờ đợi... khi tha thiết cầu xin : "Bay đi, điếu ơi ! Bay đi !"

c) Từ Đèo Ngang nhìn về hướng nam, ta bắt gặp một phong cảnh thiên nhiên kì vĩ : phía tây là dãy Trường Sơn trùng điệp, phía đông là...

– Dấu hai chấm dẫn lời nói trực tiếp của nhân vật.

– Dấu hai chấm dẫn lời nói trực tiếp của nhân vật.

– Dấu hai chấm báo hiệu bộ phận câu đứng sau nó là lời giải thích cho bộ phận đứng trước.

Bài tập 3

- HS đọc nội dung BT3.
- Cả lớp đọc thầm lại mẫu chuyện vui *Chỉ vì quên một dấu câu*, làm bài vào vở hoặc VBT.

– GV dán lên bảng 2 – 3 tờ phiếu ; mời 2 – 3 HS lên bảng thi làm bài. Cả lớp và GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng :

+ Tin nhắn của ông khách

Xin ông làm ơn ghi thêm nếu còn chỗ linh hồn bác sẽ được lên thiên đàng.

(hiểu là **nếu còn chỗ** viết trên bìa tang)

+ Người bán hàng hiểu lầm ý của khách nên ghi trên dài bìa tang

Kính viếng bác X. Nếu còn chỗ, linh hồn bác sẽ được lên thiên đàng.

(hiểu là **nếu còn chỗ** trên thiên đàng)

+ Để người bán hàng khỏi hiểu lầm, ông khách cần thêm dấu gì vào tin nhắn, dấu đó đặt sau chữ nào ?

Xin ông làm ơn ghi thêm nếu còn chỗ : linh hồn bác sẽ được lên thiên đàng.

3. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại 2 tác dụng của dấu hai chấm.
- GV nhận xét về tiết học. Dặn HS ghi nhớ kiến thức về dấu hai chấm để sử dụng cho đúng.